

TUẦN 31

KẾ HOẠCH BÀI DẠY LỚP 5D

Thời gian thực hiện từ ngày 17/04 – 21/04/2023)

Người thực hiện: Nguyễn Trọng Vững

TẬP ĐỌC CÔNG VIỆC ĐẦU TIÊN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:

- Hiểu nội dung: Nguyện vọng và lòng nhiệt thành của một phụ nữ dũng cảm muốn làm việc lớn, đóng góp công sức cho Cách mạng. (Trả lời được các câu hỏi trong SGK). Đọc diễn cảm bài văn phù hợp với nội dung và tính cách nhân vật.
- Góp phần hình thành năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.
- Góp phần hình thành phẩm chất: Giáo dục tinh thần yêu nước cho học sinh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa bài đọc trong SGK, bảng phụ viết sẵn 1 đoạn cần hướng dẫn học sinh đọc diễn cảm.
- HS: Đọc trước bài, SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Mở đầu: (3-5p)

- Cho HS chơi trò chơi "Hộp quà bí mật" với nội dung đọc bài *Tà áo dài Việt Nam*, trả lời về câu hỏi các nội dung bài thơ.
- *Chiếc áo dài có vai trò như thế nào trong trang phục của phụ nữ Việt Nam xưa ?*
- *Vì sao áo dài được coi là biểu tượng cho y phục truyền thống của Việt Nam ?*
- Nhận xét, đánh giá
- Giới thiệu bài

2. Hình thành kiến thức mới: 28-30p

a. Luyện đọc: (10-12p)

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none">- Gọi HS đọc toàn bài.- Cho HS chia đoạn.+ Em có thể chia bài này thành mấy đoạn ? | <ul style="list-style-type: none">- 1 HS đọc.- HS nêu cách chia đoạn. (Có thể chia bài thành 3 đoạn)<ul style="list-style-type: none">+ Đoạn 1: Từ đầu đến <i>Em không biết chữ nên không biết giấy gì.</i>+ Đoạn 2: tiếp theo đến <i>Mấy tên lính mã tà hót hải xách súng chạy rầm rầm.</i>+ Đoạn 3: Phần còn lại. |
| <ul style="list-style-type: none">- Cho nhóm trưởng điều khiển HS đọc | |

tiếp nối từng đoạn của bài văn trong nhóm

- Chú ý sửa lỗi phát âm, ngắt giọng cho từng HS .

- Kết hợp hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của các từ được chú giải sau bài.

- Yêu cầu HS luyện đọc theo cặp.

- Gọi HS đọc toàn bài.

- Đọc diễn cảm toàn bài - giọng đọc diễn cảm đúng tâm trạng hồi hộp, bồn chồn, tự hào của cô gái trong buổi đầu làm việc cho Cách mạng; đọc phân biệt lời các nhân vật:

+ Lời anh Ba – ân cần khi nhắc nhở Út; mừng rỡ khi khen ngợi Út.

+ Lời Út - mừng rỡ khi lần đầu được giao việc; thiết tha khi bày tỏ nguyện vọng muốn làm thật nhiều việc cho Cách mạng.

b. Tìm hiểu bài: (9-10 p)

- Cho nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc bài, TLCH và chia sẻ trước lớp

+ Công việc đầu tiên của anh Ba giao cho Út là gì?

+ Những chi tiết nào cho thấy Út rất hồi hộp khi nhận công việc đầu tiên này?

+ Út đã nghĩ ra cách gì để rải hết truyền đơn

+ Vì sao Út muốn được thoát ly?

+ Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật chị Út

- Yêu cầu HS nêu nội dung bài

c. Luyện đọc diễn cảm:(8-10 p)

- Gọi 3 HS đọc nối tiếp từng đoạn của bài. HS cả lớp theo dõi tìm cách đọc hay.

- HS đọc bài nối tiếp lần 1.

- HS nêu cách phát âm, ngắt giọng..

- HS đọc bài nối tiếp lần 2.

- 1 HS đọc phần chú giải.

- HS luyện đọc theo cặp.

- 3 HS đọc nối tiếp toàn bài.

- HS theo dõi SGK

- Nhóm trưởng điều khiển nhóm

- Rải truyền đơn.

- Út bồn chồn, thấp thỏm, ngủ không yên, nửa đêm dậy ngồi nghĩ cách rải truyền đơn.

- Giả bán cá từ ba giờ sáng. Tay bê rổ cá, bó truyền đơn giắt trên lưng. Khi rảo bước, truyền đơn từ từ rơi xuống đất. Gần tới chợ thì vừa hết, trời cũng vừa sáng tỏ.

- Vì Út đã quen hoạt động, muốn làm nhiều việc cho Cách mạng.

- HS lần lượt nêu cảm nhận

- Nội dung: Nói về nguyện vọng, lòng nhiệt thành của một phụ nữ dũng cảm muốn làm việc lớn, đóng góp công sức cho cách mạng.

- 3 HS đọc diễn cảm đoạn văn. Cả lớp trao đổi, thống nhất về cách đọc.

- Tổ chức cho HS đọc diễn cảm đoạn "Anh lấy tú mái nhà ... không biết giấy gì"
- + Đọc mẫu.
- + Yêu cầu HS luyện đọc theo cặp.
- + Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm trước lớp.
- Nhận xét, bổ sung HS.

- HS theo dõi
- HS luyện đọc theo cặp.
- 3 HS thi đọc diễn cảm. Lớp theo dõi bình chọn bạn đọc hay.

3. Vận dụng, trải nghiệm: 2-3p

- Yêu cầu 3 HS luyện đọc diễn cảm bài văn theo cách phân vai (người dẫn chuyện, anh Ba Chân, chị Út).
- Nhận xét tiết học
- Về nhà kể lại câu chuyện này cho mọi người cùng nghe.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

.....

.....

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

MỞ RỘNG VỐN TỪ: NAM VÀ NỮ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết được một số từ ngữ chỉ phẩm chất đáng quý của phụ nữ Việt Nam. Hiểu ý nghĩa 3 câu tục ngữ (BT2).
- Góp phần hình thành năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.
- Góp phần hình thành phẩm chất: Tôn trọng phụ nữ

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, bảng phụ viết sẵn lời giải cho BT1 a, b, c, bảng nhóm...
- HS : SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Mở đầu: (3-5p)

- Cho HS chơi trò chơi "Truyền điện": Nội dung là nêu tác dụng của dấu phẩy và ví dụ nói về ba tác dụng của dấu phẩy.
- Nhận xét, đánh giá
- Giới thiệu bài

2. Thực hành:(28-30p)

Bài 1: HD cá nhân

- Gọi HS đọc các yêu cầu a,b của BT
- Yêu cầu HS làm bài cá nhân

- Cả lớp theo dõi đọc thầm lại.
- HS làm bài, chia sẻ

nhân lần lượt chia sẻ câu trả lời các câu hỏi a, b.
 - Nhận xét, bổ sung chốt lại lời giải đúng.
 - 1 HS đọc lại lời giải đúng
 - Cả lớp sửa bài theo lời giải đúng.

Bài 2: HD cá nhân

- Gọi HS đọc yêu cầu của bài.
 - Yêu cầu HS làm bài
 - Nhận xét chữa bài
 - Cả lớp sửa bài theo đúng lời giải.

Bài tập chờ;

Bài 3: HD cá nhân

- Cho một HS đọc yêu cầu của BT3.
 - Hướng dẫn HS hiểu đúng yêu cầu của BT:
 + Đặt câu có sử dụng 1 trong 3 câu tục ngữ nêu ở BT2.
 + HS cần hiểu là không chỉ đặt 1 câu văn mà có khi phải đặt vài câu rồi mới dẫn ra được câu tục ngữ..
 - Cho HS suy nghĩ đặt câu
 - Nhận xét, kết luận những HS nào đặt được câu văn có sử dụng câu tục

* Lời giải:

a. + *Anh hùng*: có tài năng, khí phách, làm nên những việc phi thường.

+ *Bất khuất*: Không chịu khuất phục trước kẻ thù.

+ *Trung hậu*: có những biểu hiện tốt đẹp và chân thành trong quan hệ với mọi người.

+ *Đảm đang*: gánh vác mọi việc, thường là việc nhà một cách giỏi giang.

b. Những từ ngữ chỉ các phẩm chất khác của người phụ nữ VN: cần cù, nhân hậu, độ lượng, khoan dung, dịu dàng, nhường nhịn, ...

- Mỗi câu tục ngữ dưới đây nói lên phẩm chất gì của người phụ nữ Việt Nam?

- HS làm việc cá nhân, chia sẻ trước lớp

* Lời giải:

a) *Chỗ ướm mẹ nằm, chỗ ráo con lăn*: Mẹ bao giờ cũng dành những gì tốt nhất cho con->Lòng thương con đức hi sinh của người mẹ.

b. *Nhà khó cậy vợ hiền, nước loạn nhờ tướng giỏi*: Khi gia cảnh gặp khó khăn phải trông cậy người vợ hiền. Đất nước có loạn phải nhờ cậy vị tướng giỏi ->Phụ nữ rất đảm đang, giỏi giang, là người giữ gìn hạnh phúc, giữ gìn tổ ấm gia đình.

c. *Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh*: Khi đất nước có giặc, phụ nữ cũng sẵn sàng tham gia giết giặc->Phụ nữ dũng cảm, anh hùng.

- HS đọc

- HS nghe, tự đặt câu, báo cáo GV

+ Mẹ em là người phụ nữ yêu thương chồng con, luôn nhường nhịn, hi sinh, như tục ngữ xưa có câu: *Chỗ ướm mẹ nằm, chỗ ráo con lăn*. (1 câu)

+ Nói đến nữ anh hùng Út Tịch, mọi người nhớ ngay đến câu tục ngữ: *Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh*. (1 câu)

+ Vừa qua nhà em gặp nhiều chuyện không may. Nhờ mẹ đảm đang, giỏi giang, một mình chèo chống, mọi chuyện cuối cùng cũng tốt đẹp. Bố em bảo, đúng là: *Nhà khó cậy vợ hiền, nước loạn nhờ tướng giỏi*. (3 câu)

ngữ đúng với hoàn cảnh và hay nhất.

3. Vận dụng, trải nghiệm: 2-3p

- Tìm các từ chỉ phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam ?
- Nhận xét tiết học
- Dặn HS hiểu đúng và ghi nhớ những từ ngữ, tục ngữ vừa được cung cấp qua tiết học.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

TẬP ĐỌC **BẦM ƠI**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:

- Hiểu nội dung, ý nghĩa: Tình cảm thấm thiết, sâu nặng của người chiến sĩ với người mẹ Việt Nam.(Trả lời được các câu hỏi trong SGK, thuộc lòng bài thơ).
- Biết đọc diễn cảm bài thơ; ngắt nhịp hợp lí theo thể thơ lục bát.
- Góp phần hình thành năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.
- Góp phần hình thành phẩm chất: Giáo dục tình yêu thương cha mẹ
- GDAN-QP: Sự hi sinh của những người Mẹ Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: + Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.
 + Bảng phụ viết sẵn 1 đoạn thơ hướng dẫn học sinh đọc diễn cảm.
- HS: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Mở đầu: (3-5p)

- Cho HS chơi trò chơi "Chiếc hộp bí mật" với nội dung là đọc bài **Công việc đầu tiên** và trả lời câu hỏi cuối bài:
- *Công việc đầu tiên anh Ba giao cho chị Út là gì ?*
- *Chị Út đã nghĩ ra cách gì để rải hết truyền đơn ?*
- *Vì sao Út muốn được thoát li ?*
- Nhận xét, đánh giá
- Giới thiệu bài.

2. Hình thành kiến thức mới: 28-30p

a. Luyện đọc: (9-10p)

- Gọi 1 HS đọc bài thơ
- Cho HS luyện đọc trong nhóm
- + Đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm lần 1.
- + Đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm lần 2.
- Luyện đọc theo cặp

- Gọi HS đọc cả bài
- Đọc diễn cảm toàn bài.

b. Tìm hiểu bài: (9-10 p)

- Yêu cầu HS đọc thầm và TLCH trong SGK sau đó chia sẻ trước lớp
- + Điều gì gọi cho anh chiến sĩ nhớ tới mẹ? Anh nhớ hình ảnh nào của mẹ?
- + Tìm những hình ảnh so sánh thể hiện tình cảm mẹ con thấm thiết, sâu nặng.
- + Anh chiến sĩ đã dùng cách nói như thế nào để làm yên lòng mẹ ?
- + Qua lời tâm tình anh chiến sĩ, em suy nghĩ gì về người mẹ của anh ?

- 1 HS đọc to. Cả lớp đọc thầm.
- Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc bài
- + 4 HS đọc nối tiếp theo 4 đoạn thơ lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó.
- + 4 HS đọc nối tiếp theo 4 đoạn thơ lần 2 kết hợp luyện đọc câu khó, giải nghĩa từ.
- HS đọc cho nhau nghe ở trong nhóm.
- HS đọc
- HS nghe

- HS thảo luận nhóm TLCH và chia sẻ trước lớp
- + Cảnh chiều đông mưa phùn, gió bắc làm anh chiến sĩ nhớ thầm tới người mẹ nơi quê nhà. Anh nhớ hình ảnh mẹ lội ruộng cấy mạ non, mẹ run vì rét.
- + Tình cảm mẹ với con:
*Mạ non bầm cấy mấy đon
Ruột gan bầm lại thương con mấy lần.*
- + Tình cảm của con với mẹ:
*Mưa phùn ướt áo tứ thân
Mưa bao nhiêu hạt, thương bầm bấy nhiêu.*
- + Con đi trăm núi ngàn khe
Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm
Con đi đánh giặc mười năm
Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi.
- + Người mẹ của anh chiến sĩ là một phụ nữ Việt Nam điển hình: chịu thương chịu khó, hiền hậu, đầy tình thương yêu con.

- Cho HS nêu nội dung chính của bài.

- Qua tìm hiểu nội dung bài học, em có băn khoăn thắc mắc gì không ?

+ Mùa đông mưa phùn gió bắc, thời điểm các làng quê vào vụ cấy đông. Cảnh chiều buồn làm anh chiến sĩ chạnh lòng nhớ tới mẹ, thương mẹ phải lội ruộng bùn cây lúa lúc gió mưa.

+ Anh chiến sĩ dùng cách nói so sánh. Cách nói ấy có tác dụng làm yên lòng mẹ : mẹ đừng lo nhiều cho con, những việc con làm không thể sánh với những vất vả, khó nhọc của người mẹ nơi quê nhà.

c. Luyện đọc diễn cảm:(8-10 p)

- Đọc diễn cảm toàn bài.

- Hướng dẫn HS đọc diễn cảm: đọc đúng câu hỏi, các câu kể; đọc chậm 2 dòng thơ đầu, nhấn giọng, nghỉ hơi đúng giữa các dòng thơ.

- Luyện đọc diễn cảm

- Thi đọc diễn cảm

- Luyện học thuộc lòng

- Tổ chức cho HS thi đọc thuộc lòng bài thơ.

- HS nêu: Tình cảm thấm thiết, sâu nặng của người chiến sĩ với người mẹ Việt Nam.

- Thưa thầy, em không biết mưa phùn, gió bắc là gì ?

- Cách nói so sánh của anh chiến sĩ có gì hay ?

- HS theo dõi

- HS nghe

- HS luyện đọc diễn cảm theo cặp

- HS thi đọc

- HS đọc thuộc lòng bài thơ.

- HS thi đọc thuộc lòng

3. Vận dụng, trải nghiệm: 2-3p

- Qua lời tâm tình của anh chiến sĩ, em nghĩ gì về anh ?

- Nhận xét tiết học

- Về nhà luyện đọc diễn cảm toàn bài và đọc cho mọi người cùng nghe.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

TẬP LÀM VĂN

ÔN TẬP VỀ VĂN TẢ CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:

- Liệt kê được một số bài văn tả cảnh đã học trong học kì I; lập dàn ý vắn tắt cho 1 trong các bài văn đó. Biết phân tích trình tự miêu tả (theo thời gian) và chỉ ra được một số chi tiết thể hiện sự quan sát tinh tế của tác giả (BT2).

- Góp phần hình thành năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

- Góp phần hình thành phẩm chất: Giáo dục tình yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bảng nhóm

- HS: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Mở đầu: (3-5p)

- Cho 2 HS thi đọc lại bài văn tả con vật.

- Nhận xét, đánh giá

- Giới thiệu bài

2. Thực hành:(28-30 p)

Bài tập 1: HĐ nhóm

- Gọi HS đọc yêu cầu

- Nhắc HS chú ý 2 yêu cầu của bài tập

+ Liệt kê những bài văn tả cảnh các em đã học trong các tiết Tập đọc, Luyện từ và câu, Tập làm văn từ tuần 1 đến tuần 11.

(Giao cho 1/2 lớp liệt kê những bài văn, đoạn văn tả cảnh đã học từ tuần 1 đến tuần 5; 1/2 lớp còn lại – từ tuần 6 đến tuần 11)

- Yêu cầu 1 : làm việc theo nhóm

+ 2 nhóm làm bài trên bảng nhóm còn lại làm vào vở

+ Trình bày.

+ Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Tuần	Các bài văn tả cảnh
1	- Quang cảnh làng mạc ngày mùa - Hoàng hôn trên sông Hương. - Nắng trưa - Buổi sớm trên cánh đồng
2	- Rừng trưa - Chiều tối
3	- Mưa rào
6	- Đoạn văn tả biển của Vũ Tú Nam - Đoạn văn tả con kênh của Đoàn Giỏi
7	- Vịnh Hạ Long
8	- Kì diệu rừng xanh
9	- Bầu trời mùa thu - Đất Cà Mau

+ Lập dàn ý (vấn tắt) cho 1 trong các bài văn đó.

- HS làm việc cá nhân: Mỗi HS tự chọn, viết lại thật nhanh dàn ý của một trong

- Nhận xét.

Bài tập 2: HĐ cặp đôi

- Gọi HS đọc nội dung bài tập 2:
- Yêu cầu HS đọc thầm và trả lời các câu hỏi trong SGK phần cuối bài.
- + Bài văn miêu tả buổi sáng ở Thành phố Hồ Chí Minh theo trình tự nào?
- + Tìm những chi tiết cho thấy tác giả quan sát cảnh vật rất tinh tế?
- + Hai câu cuối bài “Thành phố mình đẹp quá! Đẹp quá đi!” thể hiện tình cảm gì của tác giả đối với cảnh vật được miêu tả?

các bài văn đã đọc.

- HS tiếp nối nhau trình bày miệng
- 2 HS đọc nối tiếp.
- HS đọc và trả lời câu hỏi, có thể thảo luận theo nhóm đôi.
- Bài văn miêu tả buổi sáng ở Thành phố Hồ Chí Minh theo trình tự thời gian từ lúc trời hửng sáng đến lúc sáng rõ.
- Thành phố như bông bành nổi giữa một biển hơi sương. Những vùng cây xanh bỗng oà tươi trong nắng sớm,...
- Hai câu cuối bài “Thành phố mình đẹp quá! Đẹp quá đi!” thể hiện tình cảm tự hào, ngưỡng mộ, yêu quý của tác giả với vẻ đẹp của thành phố.

3. Vận dụng, trải nghiệm: 2-3p

- Cho HS chia sẻ cái hay, cái đẹp của bài văn tả cảnh với bạn.
- Nhận xét tiết học
- Dặn HS đọc trước nội dung của tiết *Ôn tập về tả cảnh*, quan sát một cảnh theo đề bài đã nêu để lập được dàn ý cho bài văn.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

CHÍNH TẢ TÀ ÁO DÀI VIỆT NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:

- Viết hoa đúng tên các danh hiệu, giải thưởng, huy chương, kỉ niệm chương (BT2, BT3a). Rèn kĩ năng ghi đúng, ghi đẹp.
- Góp phần hình thành năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.
- Góp phần hình thành phẩm chất: Chăm thận, tỉ mỉ, nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bảng nhóm để HS làm bài tập 2
- HS: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Mở đầu: (3-5p)

- Cho HS chia thành 2 nhóm chơi trò chơi "Viết nhanh, viết đúng" tên các huân chương, danh hiệu, giải thưởng: *Huân chương Lao động, Huân chương Sao vàng, Huân chương Quân công, Nghệ sĩ Ưu tú, Nghệ sĩ Nhân dân.*

- Nhận xét, đánh giá

- Giới thiệu bài

2. Hình thành kiến thức mới: 28-30p

a. Chuẩn bị ghi chính tả: (5-6 p)

- Gọi HS đọc bài *Tà áo dài* - Cả lớp lắng nghe.

Việt Nam.

- Đoạn văn kể về điều gì?

- Đặc điểm của hai loại áo dài cổ truyền, áo dài tân thời của phụ nữ Việt Nam.

- Nhắc HS chú ý tập viết những từ em dễ viết sai

- HS đọc thầm, tập viết các từ ngữ dễ viết sai: 30, XX,...

b. Ghi bài chính tả. (14-15 p)

- Đọc mẫu lần 1.

- HS theo dõi.

- Đọc lần 2 (đọc chậm)

- HS ghi theo lời đọc của GV.

- Đọc lần 3.

- HS soát lỗi chính tả.

c. Chấm và nhận xét bài (2-3 p)

- Chấm 7-10 bài.

- Thu bài chấm

- Nhận xét bài viết của HS.

- HS nghe

d. Làm bài tập: (7-8 p)

Bài tập 2: HĐ nhóm

- Gọi HS nêu yêu cầu

- HS nêu

- Yêu cầu các nhóm làm vào bảng phụ và gắn lên bảng lớp.

- Các nhóm thảo luận và làm bài, chia sẻ kết quả
* Lời giải:

- Nhận xét, chữa bài

a. Giải thưởng trong các kì thi văn hoá, văn nghệ, thể thao

- Giải nhất: Huy chương Vàng

- Giải nhì : Huy chương Bạc

- Giải ba :Huy chương Đồng

b. Danh hiệu dành cho các nghệ sĩ tài năng:

- Danh hiệu cao quý nhất: *Nghệ sĩ Nhân dân*

- Danh hiệu cao quý: *Nghệ sĩ Ưu tú*

c. Danh hiệu dành cho cầu thủ, thủ môn bóng đá xuất sắc hàng năm:

- Cầu thủ, thủ môn xuất sắc nhất: *Đôi giày Vàng, Quả bóng Vàng,*

- Cầu thủ, thủ môn xuất sắc: *Đôi giày Bạc, Quả bóng Bạc.*

- HS nêu lại quy tắc viết hoa tên các huy

- Chốt: Em hãy nêu quy tắc viết hoa tên các huy chương, giải thưởng, danh hiệu?

Bài tập 3: HĐ cặp đôi

- Gọi HS nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS làm bài
- HS trình bày, HS khác nhận xét.
- Xác nhận kết quả đúng.

chương, giải thưởng, danh hiệu

- HS nêu yêu cầu
- HS làm việc theo nhóm đôi

* Lời giải:

- a. Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú, Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục, Huy chương Vì sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam.
- b. Huy chương Đồng Toán quốc tế, Huy chương Vàng.

3. Vận dụng, trải nghiệm: 2-3p

- Cho HS ghi tên các giải thưởng theo đúng quy tắc viết hoa:
 - + quả cầu vàng
 - + bông sen bạc
 - + cháu ngoan bác Hồ

- Nhận xét tiết học

- Dẫn HS ghi nhớ cách viết hoa tên các huy chương, danh hiệu, giải thưởng và kỉ niệm chương.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

LUYỆN TỪ VÀ CÂU
ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU
(Dấu phẩy)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:

- Nắm được 3 tác dụng của dấu phẩy(BT1). Biết phân tích và sửa những dấu phẩy dùng sai (BT2, 3).
- Góp phần hình thành năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.
- Góp phần hình thành phẩm chất: Yêu thích môn học

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bảng nhóm dùng cho bài tập 2,3.
- HS: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Mở đầu: (3-5p)

- Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên" đọc từng đoạn trong bài *Công việc đầu tiên* và trả lời câu hỏi.

- Nhận xét, đánh giá
- Giới thiệu bài

2. Thực hành:(28-30 p)

Bài tập 1: HD cặp đôi

- Gọi HS nêu yêu cầu.
- Yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi
- HS trình bày bài làm của nhóm mình
- Chốt lời giải đúng.

- Nêu tác dụng của dấu phẩy được dùng trong các đoạn văn dưới đây.
- HS làm bài theo nhóm
- + Đoạn a
 - Câu 1: Dấu phẩy ngăn cách trạng ngữ với CN và VN.
 - Câu 2: Dấu phẩy ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.
 - Câu 3: Dấu phẩy vừa ngăn cách trạng ngữ với CN và VN; vừa ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.
- + Đoạn b
 - Câu 1: dấu phẩy ngăn cách các vế câu trong câu ghép.
 - Câu 2: dấu phẩy ngăn cách các vế câu trong câu ghép.

Bài tập 2: Hãy viết một đoạn văn khoảng 5 câu có dấu phẩy. Nêu tác dụng của dấu phẩy đó.

- Chốt tác dụng của dấu phẩy.

Bài tập 3: HD cá nhân

- Gọi HS nêu yêu cầu.
- Yêu cầu HS làm việc cá nhân.
- Nhận xét, kết luận.

- Đọc mẩu chuyện vui dưới đây và trả lời câu hỏi.
- 3 HS lên bảng làm bài, chia sẻ cách làm
- HS nêu yêu cầu
- HS viết ra nháp
- HS nêu miệng bài và nêu tác dụng của dấu phẩy
- HS khác nhận xét
- 1 HS đọc yêu cầu của bài tập. Cả lớp đọc thầm lại.
- HS chữa bài, chia sẻ cách làm
- + Sách Ghi-nét ghi nhận, chị Ca-rôn là người nặng nhất hành tinh.
 - Sách Ghi-nét ghi nhận chị Ca-rôn là người nặng nhất hành tinh (bỏ 1 dấu phẩy dùng thừa).
- + Cuối mùa hè, năm 1994 chị phải đến cấp cứu tại một bệnh viện ở thành phố Phơ-lin, bang Mi-chi-gân, nước Mỹ.
 - Cuối mùa hè năm 1994, chị phải đến cấp cứu tại một bệnh viện ở thành phố Phơ-lin, bang Mi-chi-gân, nước Mỹ (đặt lại vị trí 1 dấu phẩy).
- + Để có thể, đưa chị đến bệnh viện người ta phải nhờ sự giúp đỡ của 22 nhân viên cứu hỏa.
 - Để có thể đưa chị đến bệnh viện, người ta phải nhờ

sự giúp đỡ của 22 nhân viên cứu hỏa (đặt lại vị trí 1 dấu phẩy).

* Lời giải:

Sách Ghi – nét ghi nhận chị Ca-rôn là người phụ nữ nặng nhất hành tinh. Ca-rôn nặng gần 700 kg nhưng lại mắc bệnh còi xương. Cuối hè năm 1994, chị phải đến cấp cứu tại một bệnh viện ở thành phố Phơ- lin, bang Mi-chi-gân, nước Mỹ. Để có thể đưa chị đến bệnh viện, người ta phải nhờ sự giúp đỡ của 22 nhân viên cứu hoả.

3. Vận dụng, trải nghiệm: 2-3p

- Nhắc HS chia sẻ tác dụng của dấu phẩy với mọi người.

- Nhận xét tiết học

nhắc HS ghi nhớ kiến thức đã học về dấu phẩy, có ý thức sử dụng đúng các dấu phẩy.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

TẬP LÀM VĂN ÔN TẬP VỀ TẢ CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:

- Lập được dàn ý một bài văn miêu tả. Trình bày miệng bài văn dựa trên dàn ý đã lập tương đối rõ ràng.
- Góp phần hình thành năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.
- Góp phần hình thành phẩm chất: Giáo dục tình yêu quê hương đất nước cho HS.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, bảng nhóm
- HS : SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Mở đầu: (3-5p)

- Cho HS thi đọc một dàn ý đã lập tiết học trước.
- Nhận xét, đánh giá
- Giới thiệu bài

2. Thực hành:(28-30p)

Bài 1: HĐ cá nhân

- 1HS đọc yêu cầu của bài tập 1
- Yêu cầu HS nói tên đề tài mình chọn.
- HS làm việc cá nhân. Mỗi HS tự lập dàn ý, 3- 4 HS lên bảng làm (chọn tả cảnh khác nhau).
- Những HS làm bài ra giấy dán lên bảng
- Cả lớp và GV nhận xét.
- 3,4 HS trình bày dàn ý. GV nhận xét nhanh.
- Cả lớp điều chỉnh nhanh dàn ý đã lập.

- Lập dàn ý miêu tả một trong những cảnh sau:

- a. Một ngày mới bắt đầu ở quê em.
- b. Một đêm trăng đẹp.
- c. Một hiện tượng thiên nhiên.
- d. Trường em trước buổi học.

VD:

a. Mở bài :

- Ngôi trường mới được xây lại: toà nhà ba tầng, màu xanh nhạt, xung quanh là hàng rào bằng gạch, dọc sân trường có hàng phượng vĩ toả bóng râm.

- Cảnh trường trước giờ học buổi sáng thật sinh động.

b.Thân bài

- Vài chục phút nữa mới tới giờ học. trước các cửa lớp lác đác 1,2 HS đến sớm. Tiếng mở cửa, ...Chẳng mấy chốc, các phòng học sạch sẽ, bàn ghế ngay ngắn.

- Cô hiệu trưởng ..., lá Quốc kì bay trên cột cờ...những bồn hoa khoe sắc...

- Từng tốp HS vai đeo cặp, hớn hờ bước vào cổng trường, nhóm trò chuyện, nhóm vui đùa...

c. Kết bài: Ngôi trường, thầy cô, bè bạn, những giờ học với em lúc nào cũng thân thương.

- Tập nói theo nhóm, nói trước lớp theo dàn ý đã lập.

- HS tập nói trong nhóm

- Nhiều HS trình bày miệng bài văn của mình.

Bài 2: HĐ nhóm

- Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.
- Tổ chức cho HS nói theo nhóm
- Trình bày trước lớp
- Cả lớp và GV nhận xét theo tiêu chí: nội dung, cách sử dụng từ ngữ, giọng nói, cách trình bày...

3. Vận dụng, trải nghiệm: 2-3p

- Chia sẻ với mọi người cấu tạo của một bài văn tả cảnh.
- Dẫn những HS viết dàn ý chưa đạt về nhà sửa lại dàn ý để chuẩn bị viết hoàn chỉnh bài văn tả cảnh trong tiết TLV cuối tuần 32.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

KỂ CHUYỆN

KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm và kể được một câu chuyện một cách rõ ràng về một việc làm tốt của bạn. Biết nêu cảm nghĩ về nhân vật trong truyện.
- Góp phần hình thành năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.
- Góp phần hình thành phẩm chất: Trân trọng những việc làm tốt của bạn bè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bảng phụ viết đề bài của tiết kể chuyện, các gợi ý 3,4.
- HS : Các câu chuyện đã chuẩn bị

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Mở đầu: (3-5p)

- Cho HS thi kể lại câu chuyện em đã nghe về một phụ nữ anh hùng hoặc một phụ nữ có tài.
- Nhận xét, đánh giá
- Giới thiệu bài

2. Tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu tiết học: (7-8p)

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc đề - Gạch chân những từ trọng tâm ca ngợi hòa bình, chống chiến tranh. - Nhắc HS một số câu chuyện các em đã học về đề tài này và khuyến khích HS tìm những câu chuyện ngoài SGK - Gọi HS giới thiệu câu chuyện mình sẽ kể | <ul style="list-style-type: none"> - Kể về một việc làm tốt của bạn em. - 4 HS tiếp nối nhau đọc - HS nêu - HS nối tiếp nhau nói nhân vật và việc làm tốt của nhân vật trong câu chuyện của mình |
|--|--|

3. Thực hành kể chuyện:(18-20 p)

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - HS kể theo nhóm - Thi kể chuyện trước lớp | <ul style="list-style-type: none"> - Từng cặp HS kể cho nhau nghe câu chuyện của mình, cùng trao đổi cảm nghĩ của mình về việc làm tốt của nhân vật trong truyện, về nội dung ý nghĩa câu chuyện. Theo câu hỏi gợi ý * Câu hỏi gợi ý + Bạn có suy nghĩ gì khi chứng kiến việc làm đó? + Việc làm của bạn ấy có gì đáng khâm phục? + Tính cách của bạn ấy có gì đáng yêu? + Nếu là bạn bạn sẽ làm gì khi đó? - Đại diện nhóm kể. |
|--|--|

- Cả lớp theo dõi, nhận xét
- Bình chọn câu chuyện hay nhất, người kể chuyện hay nhất.

- 5 đến 7 HS thi kể và trao đổi với các bạn về việc làm tốt của bạn.
- HS cả lớp theo dõi, bình chọn

3. Vận dụng, trải nghiệm: 2-3p

- Qua bài học, em biết được điều gì ?
- Nhận xét tiết học
- Chuẩn bị tiết sau
- Yêu cầu HS về nhà tập kể lại chuyện.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

TOÁN

ÔN TẬP VỀ ĐO THỜI GIAN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết quan hệ giữa một số đơn vị đo thời gian.
- Viết được số đo thời gian dưới dạng số thập phân, chuyển đổi số đo thời gian. Biết xem đồng hồ.
- Góp phần hình thành năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.
- Góp phần hình thành phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- GV: SGK, bảng phụ, đồng hồ.
- HS: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động mở đầu (3-5p)

- Cho HS chơi trò chơi "Gọi thuyên" nội dung về bảng đơn vị đo thời gian:

+ VD: 1 năm =tháng 48 giờ = ...ngày
 1 ngày = ...giờ 36 tháng = ...năm
 1 giờ =phút
 1 phút = ...giây

- Nhận xét, tuyên dương.
- Giới thiệu bài - Ghi bảng

2. HĐ luyện tập, thực hành (28-30p)

Bài 1: HĐ cá nhân

- HS đọc yêu cầu.

- HS chơi trò chơi

- HS nghe
- HS ghi vở

- Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

- Yêu cầu HS làm bài
- Nhận xét chữa bài.

Bài 2(cột 1): HĐ cá nhân

- HS đọc yêu cầu.
- Yêu cầu HS làm bài.
- Nhận xét, kết luận lời giải đúng
- Yêu cầu HS nêu cụ thể cách làm một số câu.

Bài 3: HĐ cá nhân

- HS đọc yêu cầu
- Yêu cầu HS làm bài; trả lời miệng.
- Nhận xét, kết luận

Bài tập chờ

Bài 4:

- HS đọc bài và tự làm bài
- Quan sát, uốn nắn học sinh nếu cần thiết.
- Nhận xét

3. HĐ vận dụng, trải nghiệm (2-3p)

- HS tự làm bài, chia sẻ kết quả
- Nêu mối quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian.

a.1 thế kỉ = 100 năm

1 năm = 12 tháng

1 năm (thường) có 365 ngày

1 năm (nhuận) có 366 ngày

1 tháng có 30 (hoặc 31) ngày

Tháng hai có 28 hoặc 29 ngày

b. 1 tuần lễ có 7 ngày

1 ngày = 24 giờ

1 giờ = 60 phút

1 phút = 60 giây

- Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

- Cả lớp làm vào vở

- 4 HS làm bảng lớp, chia sẻ cách làm

a. 2 năm 6 tháng = 30 tháng

3 phút 40 giây = 220 giây

b. 28 tháng = 2 năm 4 tháng

150 giây = 2 phút 30 giây

c. 60 phút = 1 giờ

45 phút = $\frac{3}{4}$ giờ = 0,75 giờ

15 phút = $\frac{1}{4}$ giờ = 0,25 giờ

1 giờ 30 phút = 1,5 giờ

90 phút = 1,5 giờ

d. 60 giây = 1 phút

90 giây = 1,5 phút

1 phút 30 giây = 1,5 phút

- Đồng hồ chỉ bao nhiêu giờ và bao nhiêu phút.

- HS nêu kết quả

+ 10 giờ

+ 6 giờ 5 phút

+ 9 giờ 43 phút

+ 1 giờ 12 phút

- HS đọc bài và làm bài

- HS chia sẻ cách làm

Khoanh vào đáp án B

- Cho HS vận dụng làm bài sau:

Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

4 năm 4 tháng = ... tháng

3 giờ 25 phút = ... phút

2 ngày 15 giờ = ... giờ

84 phút = giờ ... phút

- Về nhà tìm thêm các bài tập tương tự để làm

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

- HS làm bài.

- HS nghe và thực hiện

.....

TOÁN PHÉP CỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cộng các số tự nhiên, các số thập phân, phân số và ứng dụng trong giải toán.

- Góp phần hình thành năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

- Góp phần hình thành phẩm chất: Yêu thích học toán, cẩn thận, chính xác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động mở đầu (3-5p)

- Cho HS chơi trò chơi "Truyền điện"
 Nêu mối quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian.

- Nhận xét, bổ sung.

- Giới thiệu bài - Ghi bảng

2. HĐ luyện tập, thực hành(28-30p)

**Ôn tập về các thành phần và các tính chất của phép cộng*

+ Cho phép cộng : $a + b = c$

a, b, c gọi là gì ?

+ Nêu tính chất giao hoán của phép cộng.

+ Nêu tính chất kết hợp của phép cộng.

- HS chơi trò chơi

- HS nghe

- HS ghi vở

- HS thảo luận nhóm, báo cáo kết quả

- HS đọc

+ a, b : Số hạng

c : Tổng

- Khi đổi chỗ các số hạng trong 1 tổng thì tổng đó không thay đổi

$$a + b = b + a$$

* *Luyện tập*

Bài 1: HĐ cá nhân

- HS đọc yêu cầu
- Yêu cầu HS làm việc cá nhân.

- Nhận xét, kết luận

Bài 2 (cột 1): HĐ cá nhân

- Gọi HS đọc yêu cầu
- Yêu cầu HS làm bài, sử dụng tính chất kết hợp và giao hoán để tính
- Nhận xét, kết luận

Bài 3: HĐ cá nhân

- Yêu cầu HS đọc đề bài
- Yêu cầu HS dự đoán kết quả của x
- Cho 2 HS lần lượt nêu, cả lớp nghe và nhận xét
- Nhận xét, kết luận

Bài 4: HĐ cá nhân

- Gọi HS đọc đề bài
- Yêu cầu HS làm bài
- Nhận xét, kết luận

- Muốn cộng một tổng hai số với một số thứ ba ta có thể lấy số thứ nhất cộng với tổng của số thứ hai và số thứ ba.

$$(a + b) + c = a + (b + c)$$

- Một số cộng với 0, 0 cộng với một số đều bằng chính nó

$$a + 0 = 0 + a = a$$

- Tính.

- HS làm bài vào vở,
- 4 HS làm bảng lớp, chia sẻ kết quả
- Tính bằng cách thuận tiện nhất
- HS làm việc cá nhân.
- 3 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vở

$$\begin{aligned} \text{a. } & (689 + 875) + 125 \\ & = 689 + (875 + 125) \\ & = 689 + 1000 \\ & = 1689 \end{aligned}$$

b.

$$\begin{aligned} & \left(\frac{2}{7} + \frac{4}{9}\right) + \frac{5}{7} = \left(\frac{2}{7} + \frac{5}{7}\right) + \frac{4}{9} \\ & = \frac{7}{7} + \frac{4}{9} = 1 + \frac{4}{9} = 1\frac{4}{9} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{c. } & 5,87 + 28,69 + 4,13 \\ & = (5,87 + 4,13) + 28,69 \\ & = 10 + 28,69 \\ & = 38,69 \end{aligned}$$

- Không thực hiện tính nêu kết quả tìm x và giải thích

- HS đọc và suy nghĩ tìm kết quả.

a) $x = 0$ vì số hạng thứ hai và tổng của phép cộng đều có giá trị là 9,68 mà chúng ta đã biết 0 cộng với số nào cũng có kết quả là chính số đó.

$$\text{b) } \frac{2}{5} + x = \frac{4}{10}$$

$x = 0$ vì $\frac{2}{5} = \frac{4}{10}$ ta có $\frac{2}{5} + 0 = \frac{2}{5} =$

$$\frac{4}{10}$$

3. HĐ vận dụng, trải nghiệm(2-3p)

- Cho HS vận dụng tính bằng cách thuận tiện biểu thức sau:

$$2,7 + 3,59 + 4,3 + 5,41 = \dots$$

- Dặn HS ghi nhớ các tính chất của phép tính để vận dụng vào tính toán, giải toán.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

.....

.....

- Cả lớp theo dõi
- Cả lớp làm vở
- 1 HS làm bảng lớp, chia sẻ kết quả

Bài giải

Mỗi giờ cả hai vòi chảy được

$$\frac{1}{4} + \frac{1}{5} = \frac{9}{20} = \frac{45}{100} = 45\% \text{ (thể tích bể)}$$

Đáp số : 45% thể tích bể

- HS tính.
- HS nghe và thực hiện

TOÁN
PHÉP TRỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết thực hiện phép trừ các số tự nhiên, các số thập phân, phân số, tìm thành phần chưa biết của phép cộng, phép trừ và giải bài toán có lời văn.
- Góp phần hình thành năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.
- Góp phần hình thành phẩm chất: Giáo dục học sinh lòng say mê học toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- GV: SGK, bảng phụ.
- HS : SGK, vở.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**1. Hoạt động mở đầu (3-5p)**

- Cho HS chơi trò chơi "Gọi thuyền" với nội dung câu hỏi như sau:

- + Nêu tính chất giao hoán của phép cộng.
- + Nêu tính chất kết hợp của phép cộng.

- Nhận xét, tuyên dương.
- Giới thiệu bài - Ghi bảng

2. HĐ luyện tập, thực hành: (28-30p)

- Ôn tập về các thành phần và các tính chất của phép trừ

+ Cho phép trừ : $a - b = c$; a, b, c gọi là gì ?

- HS chơi trò chơi

- HS nghe
- HS ghi đầu bài vào vở

- HS thảo luận nhóm, chia sẻ trước lớp:

- a : Số bị trừ
- b : Số trừ
- c : Hiệu

+ Nêu cách tìm số bị trừ ?

+ Nêu cách tìm số trừ ?

- Đưa ra chú ý :

$$a - a = 0$$

$$a - 0 = a$$

Bài 1: HĐ cá nhân

- Học sinh đọc yêu cầu
- Yêu cầu HS làm bài
- Nhận xét chữa bài

Bài 2: HĐ cá nhân

- Học sinh đọc yêu cầu
- Yêu cầu HS làm bài
- Nhận xét chữa bài

Bài 3: HĐ cá nhân

- HS đọc yêu cầu
- Yêu cầu HS làm bài
- Nhận xét chữa bài

3. HĐ vận dụng, trải nghiệm (2-3p)

- Cho HS giải bài toán theo tóm tắt sau:
 - DT trồng cây ăn quả: 2,7 ha
 - DT hồ cá: 0,95 ha
 - DT trại nuôi gà:?
- } 4,3 ha
- Về nhà tìm các bài tập tương tự để làm thêm.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

.....

+ Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

+ Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.

- Tính rồi thử lại theo mẫu

- Cả lớp làm vở, 3 HS làm bảng lớp, chia sẻ kết quả

- Tìm x

- Cả lớp làm vào vở, 2 HS lên bảng làm, chia sẻ cách làm

a. $x + 5,84 = 9,16$

$$x = 9,16 - 5,84$$

$$x = 3,32$$

b. $x - 0,35 = 2,55$

$$x = 2,55 + 0,35$$

$$x = 2,9$$

- Cả lớp theo dõi

- Cả lớp làm vào vở, 1 HS lên bảng làm, chia sẻ.

Bài giải

Diện tích đất trồng hoa là :

$$540,8 - 385,5 = 155,3 \text{ (ha)}$$

Diện tích đất trồng hoa và trồng lúa là :

$$540,8 + 155,3 = 696,1 \text{ (ha)}$$

Đáp số : 696,1 ha

- HS làm bài

- Lắng nghe và thực hiện.

TOÁN

LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nắm vững cách cộng, trừ phân số và số thập phân.
 - Biết vận dụng kỹ năng cộng, trừ trong thực hành tính và giải bài toán.
- Góp phần hình thành năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, t duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.
- Góp phần hình thành phẩm chất: Giáo dục học sinh lòng say mê học toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- GV: SGK, bảng phụ.
- HS: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động mở đầu (3-5p)

- Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên" với các câu hỏi:

- + Nêu cách cộng phân số cùng mẫu số?
- + Nêu cách trừ phân số cùng mẫu số?
- + Nêu cách cộng phân số khác mẫu số?
- + Nêu cách trừ phân số khác mẫu số?

- Nhận xét, tuyên dương.
- Giới thiệu bài - Ghi bảng

2. HĐ luyện tập, thực hành: (28-30p)

Bài 1: HĐ cá nhân

- Gọi HS nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS làm bài, chia sẻ trước lớp
- Nhận xét chữa bài

Bài 2: HĐ cá nhân

- Gọi HS nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS làm bài
- Rèn kỹ năng sử dụng tính chất giao hoán và tính chất kết hợp để cộng trừ phân số và số thập phân
- Nhận xét chữa bài

- HS chơi trò chơi

- HS nghe
- HS ghi đầu bài vào vở

- Tính:

- Cả lớp làm vở, 2 HS lên bảng làm bài, chia sẻ cách làm

$$a) \frac{2}{3} + \frac{3}{5} = \frac{10}{15} + \frac{9}{15} = \frac{19}{15}$$

$$\frac{12}{17} - \frac{5}{17} - \frac{4}{17} = \frac{3}{17}$$

$$b) 578,69 + 181,78 = 860,47$$

- Tính bằng cách thuận tiện nhất

- HS tự giải, 4 HS lên bảng làm bài, chia sẻ cách làm

$$a) \frac{7}{11} + \frac{3}{4} + \frac{4}{11} + \frac{1}{4} = \left(\frac{7}{11} + \frac{4}{11}\right) + \left(\frac{3}{4} + \frac{1}{4}\right) =$$

$$\frac{11}{11} + \frac{4}{4} = 2$$

Bài tập chờ:**Bài 3: HĐ cá nhân**

- Cho HS làm bài cá nhân

3. HĐ vận dụng, trải nghiệm (2-3p)

- Cho HS tính bằng cách thuận tiện nhất:

$$17,64 - (5 - 4,36) =$$

- Nhận xét tiết học. Khen ngợi những HS học tốt, học tiến bộ.

- Dặn HS ôn lại giải toán về tỉ số phần trăm.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

$$\frac{72}{99} - \frac{28}{99} - \frac{14}{99}$$

$$= \frac{72}{99} - \left(\frac{28}{99} + \frac{14}{99} \right)$$

$$= \frac{72}{99} - \frac{42}{99} = \frac{30}{99} = \frac{10}{33}$$

$$\text{c) } 69,78 + 35,97 + 30,22$$

$$= (69,78 + 30,22) + 35,97$$

$$= 100 + 35,97 = 135,97$$

$$\text{d) } 83,46 - 30,98 - 72,47$$

$$= 83,45 - (30,98 + 72,47)$$

$$= 83,45 - 73,45 = 10$$

- HS làm bài cá nhân, báo cáo kết quả với giáo viên

Bài giải

Phân số chỉ số phần tiền lương gia đình đó chi tiêu hàng tháng là:

$$\frac{3}{5} + \frac{1}{4} = \frac{17}{20} \text{ (số tiền lương)}$$

a) Tỉ số phần trăm số tiền lương gia đình đó để dành là:

$$\frac{20}{20} - \frac{17}{20} = \frac{3}{20} \text{ (số tiền lương)}$$

$$\frac{3}{20} = \frac{15}{100} = 15\%$$

b) Số tiền mỗi tháng gia đình đó để dành được là:

$$4000000 : 100 \times 15 = 600000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: a) 15% số tiền lương;

b) 600000 đồng.

- HS tính

- Lắng nghe và thực hiện.

TOÁN **PHÉP NHÂN**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết thực hiện phép nhân số tự nhiên, số thập phân, phân số và vận dụng để tính nhẩm, giải bài toán.
- Góp phần hình thành năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.
- Góp phần hình thành phẩm chất: Yêu thích môn toán, cẩn thận, chính xác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- GV: SGK, bảng phụ
- HS : SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động mở đầu (3-5p)

- Cho HS hát
- Giới thiệu bài, ghi bảng

2. HĐ luyện tập, thực hành (28-30p)

- Viết lên bảng: $a \times b = c$
- + Em hãy nêu tên gọi các thành phần của phép nhân?
- + Nêu các tính chất của phép nhân mà em đã được học?
 1. Tính chất giao hoán.
 2. Tính chất kết hợp.
 3. Nhân 1 tổng với 1 số.
 4. Phép nhân có thừa số bằng 1.
 5. Phép nhân có thừa số bằng 0.

Bài 1(cột 1): HĐ cá nhân

- Gọi HS đọc yêu cầu
- Yêu cầu HS tự giải
- Nhận xét chữa bài

Bài 2: HĐ cặp đôi

- Gọi HS đọc yêu cầu
- Yêu cầu HS tự làm bài
- Nhận xét chữa bài

- HS hát
- HS ghi vở
- HS nêu miệng: a, b là thừa số, c là tích.
- Thảo luận nhóm đôi và ghi tính chất vào giấy nháp. Đại diện nhóm trình bày.
- Nhận xét, bổ sung.

$$a \times b = b \times a$$

$$(a \times b) \times c = a \times (b \times c)$$

$$(a + b) \times c = a \times c + b \times c$$

$$1 \times a = a \times 1 = a$$

$$0 \times a = a \times 0 = 0$$

- Tính

- HS làm bài, chia sẻ cách làm

$$a) 4\,802 \times 324 = 1\,555\,848$$

$$b) \frac{4}{17} \times 2 = \frac{8}{17}; \frac{4}{7} \times \frac{5}{12} = \frac{20}{84}$$

$$c) 35,4 \times 6,8 = 240,72$$

- Tính nhẩm

- HS tự giải, trao đổi bài với bạn.

$$a) 3,25 \times 10 = 32,5$$

$$3,25 \times 0,1 = 0,325$$

$$b) 417,56 \times 100 = 41756$$

$$417,56 \times 0,01 = 1,1756$$

$$c) 28,5 \times 100 = 2850$$

Bài 3: HD cá nhân

- Gọi HS đọc yêu cầu
- Yêu cầu HS làm bài
- Nhận xét chữa bài

- Em đã vận dụng những tính chất nào của phép nhân để giải bài toán 3?

Bài 4: HD cá nhân

- HS đọc đề bài
- Bài toán thuộc dạng toán nào?

- Yêu cầu HS làm bài
- Nhận xét chữa bài

- Em nào có cách giải khác không?

3. HD vận dụng, trải nghiệm (2-3p)

- Cho HS nhân nhẩm các phép tính sau:
 $0,23 \times 10 = \dots$ $5,6 \times 100 = \dots$
 $5,67 \times 0,1 = \dots$ $123 \times 0,01 = \dots$
- Về nhà tự ôn lại kiến thức nhân số tự nhiên, số thập phân, phân số.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

$$28,5 \times 0,01 = 0,285$$

- Tính bằng cách thuận tiện nhất
- HS tự giải, 2 HS lên bảng làm sau đó chia sẻ kết quả

$$\begin{aligned} \text{a) } 2,5 \times 7,8 \times 4 &= (2,5 \times 4) \times 7,8 \\ &= 10 \times 7,8 \\ &= 78 \end{aligned}$$

- Tính chất giao hoán, kết hợp.

- HS đọc đề bài, phân tích đề.
- Tính quãng đường, biết vận tốc và thời gian.

- HS tự giải, 1 HS lên bảng làm, chia sẻ

Bài giải

$$\text{Đổi } 1 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 1,5 \text{ giờ}$$

Quãng đường ô tô đi được trong 1,5 giờ là:

$$48,5 \times 1,5 = 72,75 \text{ (km)}$$

Quãng đường xe đạp đi được trong 1,5 giờ là :

$$33,5 \times 1,5 = 50,25 \text{ (km)}$$

Quãng đường AB dài là:

$$72,75 + 50,25 = 123 \text{ (km)}$$

Đáp số: 123km

- HS nêu : Tính tổng vận tốc rồi lấy tổng vận tốc nhân với thời gian hai xe gặp nhau. $(48,5 + 33,5) \times 1,5 = 123 \text{ km}$

Bài giải

Tổng vận tốc của ô tô và xe máy là:

$$48,5 + 33,5 = 82 \text{ (km/ giờ)}$$

Đổi 1 giờ 30 phút = 1,5 giờ

Quãng đường AB dài là:

$$82 \times 1,5 = 123 \text{ (km)}$$

Đáp số: 123 km.

- HS nhẩm
- HS nghe và thực hiện

KHOA HỌC**ÔN TẬP THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:

- Ôn tập về: Một số hoa thụ phấn nhờ gió, một số hoa thụ phấn nhờ côn trùng. Một số loài động vật đẻ trứng, một số loài động vật đẻ con. Một số hình thức sinh sản của thực vật và động vật thông qua một số đại diện.
- Biết được sự sinh sản của động vật và thực vật.
- Góp phần hình thành phẩm chất: Có ý thức bảo vệ môi trường yêu thiên nhiên.
- Góp phần hình thành năng lực: Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: SGK, bảng phụ, Phiếu học tập
- HS : SGK

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**1. Hoạt động mở đầu:(3-5p)**

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS chơi trò chơi "Gọi thuyền" : + Nêu tên một số loài thú ở trong rừng + Kể tên loài thú ăn thịt và loài thú ăn cỏ. + Nêu những nét chung về sự sinh sản và nuôi dạy con của hổ và hươu. - Nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng | <ul style="list-style-type: none"> - HS chơi - HS nghe - HS ghi vở |
|--|---|

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(26-28p)

* *Mục tiêu:* Ôn tập về:

- Một số hoa thụ phấn nhờ gió, một số hoa thụ phấn nhờ côn trùng.
- Một số loài động vật đẻ trứng, một số loài động vật đẻ con.
- Một số hình thức sinh sản của thực vật và động vật thông qua một số đại diện.
- Có ý thức bảo vệ môi trường yêu thiên nhiên.

* Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Thực hành làm bài tập

Câu 1: Tìm xem mỗi tấm phiếu có nội dung dưới đây phù hợp với chỗ nào trong câu.

- a. Sinh dục b. Nhị
c. Sinh sản d. Nhụy

Câu 2: Tìm xem mỗi chú thích phù hợp với số thứ tự nào trong hình

Câu 3: Trong các cây dưới đây, cây nào có hoa thụ phấn nhờ gió, cây nào có hoa thụ phấn nhờ côn trùng

Câu 4: Tìm xem mỗi tấm phiếu có nội dung dưới đây phù hợp với chỗ nào trong câu.

- a. Trứng b. Thụ tinh c. Cơ thể mới
d. Tinh trùng e. Đực và cái

Câu 5: Trong các động vật dưới đây, động vật nào đẻ trứng, động vật nào đẻ con?

- Yêu cầu HS làm bài tập sau:

1. Chọn các từ trong ngoặc(*sinh dục, nhị, sinh sản, nhụy*) để điền vào chỗ... trong các câu cho phù hợp

Hoa là cơ quancủa những loài thực vật có hoa. Cơ quanđực gọi là.....cơ quan sinh dục cái gọi là.....

2. Viết chú thích vào hình cho đúng

3 đánh dấu nhân vào cột cho đúng

Tên cây	Thụ phấn nhờ gió	Thụ phấn nhờ côn trùng
Râm bụt		

+ Hoa là cơ quan *sinh sản* của những loài thực vật có hoa. Cơ quan *sinh dục* đực gọi là *nhị*. Cơ quan *sinh dục* cái gọi là *nhụy*.

+ 1: nhụy

+ 2: nhị

+ Cây hoa hồng (a) và cây hoa hướng dương (c) là hoa thụ phấn nhờ côn trùng. Cây ngô (3) thụ phấn nhờ gió.

+ Đa số loài vật chia thành 2 giống: *đực* và *cái*. Con đực có cơ quan sinh dục đực sinh ra *tinh trùng* (d). Con cái có cơ quan dục cái tạo ra *trứng* (a)

+ Hiện tượng tinh trùng kết hợp với trứng gọi là sự *thụ tinh*. Hợp tử phân chia nhiều lần và phát triển thành *cơ thể mới*, mang những đặc tính của cả bố và mẹ.

+ Những động vật đẻ con: sư tử, hươu cao cổ.

+ Những động vật đẻ trứng: chim cánh cụt, cá vàng.

Hướng dương		
Ngô		

4. Chọn các cụm từ cho trong ngoặc (trứng, thụ tinh, cơ thể mới, tinh trùng, đực và cái) để điền vào chỗ trống trong các câu sau

- Đa số các loài vật chia thành hai giống.....Con đực có cơ quan sinh dục đực tạo ra.....Con cái có cơ quan sinh dục cái tạo ra.....

- Hiện tượng tinh trùng kết hợp với trứng gọi là.....hợp tử phân chia nhiều lần và phát triển thành....., mang những đặc tính của bố và mẹ

5.

Tên động vật	Đẻ trứng	Đẻ con
Sư tử		
Chim cánh cụt		
Hươu cao cổ		
Cá vàng		

3. Hoạt động ứng dụng:(2-3p)

- Qua bài học, em biết được điều gì ?

- Nhận xét tiết học. Khen ngợi những HS học tốt, học tiến bộ.

- Dặn HS học thuộc bài. Tìm hiểu, sưu tầm tranh, ảnh về tài nguyên thiên nhiên.

- HS nêu:

+ Một số hoa thụ phấn nhờ gió, một số hoa thụ phấn nhờ côn trùng.

+ Một số loài động vật đẻ trứng, một số loài động vật đẻ con.

= Một số hình thức sinh sản của thực vật và động vật thông qua một số đại diện.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết khái niệm ban đầu về môi trường.
- Nêu một số thành phần của môi trường địa phương.

- Góp phần hình thành phẩm chất: Giáo dục HS ý thức bảo vệ môi trường, ham tìm hiểu khoa học.

- Góp phần hình thành năng lực: Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: SGK, bảng phụ, Thông tin và hình trang 128, 129 SGK.

- HS : SGK

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Hoạt động mở đầu:(2-3p)

- Cho HS hát

- Giới thiệu bài - Ghi bảng

- HS hát

- HS ghi vở

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(28-30p)

* Mục tiêu:

- Biết khái niệm ban đầu về môi trường.

- Nêu một số thành phần của môi trường địa phương.

* Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Quan sát và thảo luận

- Yêu cầu HS làm việc theo nhóm
nhóm trưởng điều khiển nhóm mình
đọc các thông tin, quan sát hình và
làm bài tập theo yêu cầu ở mục Thực
hành trang 128 SGK.

- Đại diện các nhóm trình bày.

+ Môi trường rừng gồm những thành
phần nào?

+ Môi trường nước gồm những thành
phần nào?

+ Môi trường làng quê gồm những
thành phần nào?

+ Môi trường đô thị gồm những thành
phần nào?

+ Vậy theo bạn, môi trường là gì ?

- Các nhóm thảo luận theo câu hỏi
SGK và trình bày.

- Môi trường rừng gồm những thành
phần: thực vật động vật sống trên cạn
và dưới nước. Không khí và ánh sáng.

- Môi trường nước thực vật động vật
sống ở dưới nước như cua, cá, ốc,
rong, rêu, tảo...nước không khí, ánh
sáng.

- Môi trường làng quê gồm con người
động vật, thực vật, làng xóm, ruộng
đồng, công cụ làm ruộng, một số
công cụ giao thông, nước, không khí,
ánh sáng..

- Môi trường đô thị gồm con
người....nhà cửa phố xá...

- Môi trường là tất cả những gì có
xung quanh chúng ta; những gì có
trên Trái Đất hoặc những gì tác động
lên Trái Đất này. Trong đó có những
yếu tố cần thiết cho sự sống và những
yếu tố ảnh hưởng đến sự tồn tại, phát
triển của sự sống. Có thể phân biệt:

- **Kết luận:** Môi trường là tất cả những gì có xung quanh chúng ta; những gì có trên Trái Đất hoặc những gì tác động lên Trái Đất này. Trong đó có những yếu tố cần thiết cho sự sống và những yếu tố ảnh hưởng đến sự tồn tại, phát triển của sự sống. Có thể phân biệt: Môi trường tự nhiên (Mặt trời, khí quyển, đồi, núi, cao nguyên, các sinh vật,...) và môi trường nhân tạo (làng mạc, thành phố, nhà máy, công trường,...).

Hoạt động 2 : Thảo luận

- Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi theo câu hỏi :

+ Bạn sống ở đâu, làng quê hay đô thị?

+ Hãy nêu một số thành phần của môi trường nơi bạn sống?

- Gọi một số em trình bày

- Nhận xét

Môi trường tự nhiên (Mặt trời, khí quyển, đồi, núi,...) và môi trường nhân tạo (làng mạc, thành phố, nhà máy,...)

- HS thảo luận nhóm

- HS giới thiệu với bạn.

3. Hoạt động vận dụng:(2-3p)

- Môi trường bao gồm những thành phần nào?

- Chúng ta cần làm gì để bảo vệ môi trường?

- Nhận xét tiết học.

- Dẫn HS về nhà chuẩn bị trước bài “Tài nguyên thiên nhiên”.

- Vẽ một bức tranh cổ động mọi người bảo vệ môi trường.

- Môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo...

- HS nêu...

- HS nghe

- HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG (T1) **ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH TỈNH HẢI DƯƠNG**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:

- Nắm được đặc điểm vị trí và ý nghĩa của nó đối với đời sống và sản xuất của nhân dân ta. Địa hình tỉnh ta đa phần là đồng bằng, khá bằng phẳng. Đất phù sa do sông Hồng bồi đắp rất màu mỡ thuận lợi cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Chỉ được vị trí, giới hạn của Hải Dương trên bản đồ.

- Góp phần hình thành phẩm chất: Giáo dục tình yêu quê hương đất nước

- Góp phần hình thành năng lực: Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Bản đồ tỉnh Hải Dương; phiếu học tập; một số tranh ảnh địa hình Hải Dương

- HS : Tư liệu về Hải Dương

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Hoạt động mở đầu:(3-5p)

- Cho HS tổ chức chơi trò chơi ‘ Bắn tên’ trả lời câu hỏi:

- Chỉ vị trí của các đại dương

- Trên thế giới có mấy đại dương? Đó là những đại dương nào ?

- Nhận xét

- Giới thiệu bài - Ghi bảng

- HS chơi trò chơi

- HS nghe

- HS ghi vở

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(26-28p)

* *Mục tiêu:* Qua bài này, HS cần:

- Nắm được đặc điểm vị trí và ý nghĩa của nó đối với đời sống và sản xuất của nhân dân ta.

- Địa hình tỉnh ta hầu hết là đồng bằng, khá bằng phẳng. Đất phù sa do sông Hồng bồi đắp rất màu mỡ thuận lợi cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Chỉ được vị trí, giới hạn của Hải Dương trên bản đồ.

* *Cách tiến hành:*

Hoạt động 1: Vị trí, giới hạn

- Cho HS quan sát bản đồ tỉnh Hải Dương, thảo luận nhóm theo câu hỏi:

- Hải Dương nằm ở khu vực nào?

- HS quan sát, thảo luận nhóm rồi báo cáo

- Hải Dương giáp những tỉnh và thành

+ Hải Dương nằm giữa đồng bằng sông Hồng thuận lợi cho việc giao lưu trong và ngoài tỉnh.

phố nào?

- Kể tên các TP; huyện của tỉnh Hải Dương

- Cho học sinh quan sát bản đồ huyện Tứ Kỳ .

- Địa phương mình giáp với những xã, huyện nào?

*KL: Tổng diện tích đất tự nhiên 1.668,20 km², dân số khoảng 1.917.000 người (Năm 2019) HD nằm ở trung tâm châu thổ sông Hồng, tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng, một trong 7 tỉnh, thành thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, cách TP Hải Phòng 45 km về phía tây, cách thủ đô Hà Nội 57 km về phía đông. Phía bắc của tỉnh Hải Dương giáp tỉnh Bắc Giang; Phía đông giáp tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng; Phía tây giáp tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Hưng Yên; Phía nam giáp tỉnh Thái Bình.

Hoạt động 2: Địa hình

- Cho cả lớp trả lời câu hỏi

+ Địa hình tỉnh ta thuộc loại địa hình nào?

+ Đất trồng của tỉnh ta thuộc loại đất gì?

+ Đất trồng tỉnh ta có đặc điểm gì?

+ Nêu ý nghĩa của đặc điểm đó đối với hoạt động sản xuất?

- Ở huyện Tứ Kỳ của em làm nghề gì là chính?

+ Khu công nghiệp trong huyện có những công ty nào đang phát triển?

Hoạt động 3: Làm việc cả lớp

+ Em hãy chỉ và đọc tên các tỉnh và thành phố tiếp giáp với tỉnh ta? Huyện của em nằm ở vị trí nào trên bản đồ?

+ Hải Dương giáp tỉnh, thành phố: Bắc Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên, Quảng Ninh, Thái Bình.

-TP Hải Dương, TP Chí Linh, Cẩm Giàng, Ninh Giang, Gia Lộc, Kim Thành, Nam Sách, Thanh Hà, Tứ Kỳ, Bình Giang, Kinh Môn, Thanh Miện.

- Giáp xã: Hà Thanh, Tiên Động ; Phượng Kỳ; Minh Đức

- Giáp huyện: Vĩnh Bảo (Hải Phòng); TT Ninh Giang

- HS thảo luận và trình bày kết quả
+ Chủ yếu là đồng bằng, khá bằng phẳng. Có huyện Chí Linh một chút đồi núi thấp.

+ Đất phù sa.

+ Đặc điểm: Phi nhiêu, màu mỡ.

+ Thuận lợi cho việc đi lại và phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Làm nghề nông nghiệp là chính bên cạnh còn phát triển một số nghề thủ công như làm bánh gai (Ninh Giang); bánh đậu xanh, thêu ren;...

- Công ty Giày da, Gấu Bông, Nhôm kính, May mặc;...

+ HS lên bảng và chỉ trên bản đồ.

+ Đất trồng tỉnh ta thuộc loại đất *phù sa* rất màu mỡ, thuận lợi cho việc phát triển sản xuất *nông nghiệp*.

+ Dùng từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau:

3. Hoạt động vận dụng: (2-3p)

- Địa phương em trồng các loại cây nào ?

- Nhận xét tiết học. Khen ngợi những HS học tốt, học tiến bộ.

- Chuẩn bị tiết sau

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

- HS nêu: lúa, ngô, rau, khoai, nhãn, vải và một số cây ăn quả khác

- HS nghe

.....

LỊCH SỬ

LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:

- Học sinh thấy được sự giàu đẹp của quê hương mình, thấy được truyền thống của cha ông mình.
- HS nêu được một số di tích lịch sử của địa phương cũng như các đặc sản trên quê hương mình.
- Góp phần hình thành phẩm chất: Giáo dục tình yêu quê hương làng xóm.
- Góp phần hình thành năng lực: Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh ảnh, truyện kể về địa phương.

- HS: Vở

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Hoạt động mở đầu:(3-5p)

- Cho HS chơi trò chơi "Truyền điện" nêu tên các xã trong huyện của mình (Mỗi em chỉ nêu 1 tên xã hoặc thị trấn trong huyện mình)

- Nhận xét

- Giới thiệu bài - Ghi bảng

- HS chơi trò chơi

- HS nghe

- HS ghi vở

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(26-28p)

* *Mục tiêu:* Học sinh thấy được sự giàu đẹp của quê hương mình, thấy được truyền thống của cha ông mình.

* *Cách tiến hành:*

* **Hoạt động 1:** GV giới thiệu về lịch sử địa phương của cộng đồng Lạc Việt đã từ kinh đô văn Lang thâm

- HS nghe

nhập xuống vùng này, họ khai phá ngàn lau và rừng rậm để tạo lập đồng bằng Bắc Bộ trong đó có địa phương ta.

* **Hoạt động 2:** Hướng dẫn học sinh thảo luận.

- Nêu những di tích lịch sử có ở địa phương?

- Giới thiệu cho HS biết về di tích lịch sử này ...

- Hãy kể tên và mô tả những lễ hội có ở địa phương mình?

- Nhận xét đánh giá.

- HS thảo luận, báo cáo trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung

- Đình làng Hà Hải .

+ Lễ hội đình làng Hà Hải

3. Hoạt động vận dụng:(2-3p)

- Em sẽ làm gì để bảo vệ và giữ gìn các khu di tích lịch sử của địa phương em ?

- Yêu cầu HS về tìm hiểu những đóng góp của nhân địa phương mình về con người và lương thực, thực phẩm cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc ta.

- Số lượng thương binh, liệt sĩ và gia đình chính sách trong xã.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

- HS nêu

- HS nghe và thực hiện

.....

ĐẠO ĐỨC

BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:

- Kể được một vài tài nguyên thiên nhiên ở nước ta và ở địa phương. Biết vì sao phải bảo vệ tài nguyên thiên nhiên rất cần thiết cho cuộc sống con người. Biết giữ gìn, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên phù hợp với khả năng.

- Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin về tình hình tài nguyên ở nước ta. Tư duy phê phán (biết phê phán, đánh giá những hành vi phá hoại tài nguyên thiên nhiên). Ra quyết định (biết ra quyết định đúng trong các tình huống để bảo vệ tài

nguyên thiên nhiên). Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng của mình về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

- Góp phần hình thành phẩm chất: Đồng tình ủng hộ những hành vi, việc làm để giữ gìn, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
- Góp phần hình thành năng lực: Hình thành và phát triển năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác. Giáo dục HS có thái độ bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- Tranh trang 44 SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Mở đầu (3-5p)

- Cho HS chơi trò chơi "*Chiếc hộp bí mật*" với các câu hỏi:
 - + *Nước ta có những tài nguyên thiên nhiên gì ?*
 - + *Nêu tên một số vùng có tài nguyên thiên nhiên ?*
 - + *Tài nguyên thiên nhiên mang lại cho em và mọi người điều gì?*
 - + *Chúng ta phải làm gì để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên?*
 - + *Tài nguyên có vai trò gì trong cuộc sống?*
 - + *Cần sử dụng TN TN như thế nào? Đọc ghi nhớ.*
- Nhận xét trò chơi.
- Giới thiệu bài - Ghi bảng.

2. Hình thành kiến thức mới (27-28p)

HD1: Giới thiệu về tài nguyên thiên nhiên

Bổ sung thêm về 1 số TN => kết luận.

HS giới thiệu về 1 TNTN mà mình biết có thể có tranh minh họa.
Lớp nhận xét bổ sung.

HD2: Làm bài tập 4 SGK

Giúp đỡ HS khó khăn.

Kết luận: Con người cần biết sử dụng TNTN hợp lí...

Thảo luận nhóm.
Trình bày KQ và bổ sung ý kiến.

HD3: Làm BT 5 SGK

Bổ sung ý kiến và KL: Có nhiều cách BV tài nguyên thiên nhiên chúng ta cần thực hiện những biện pháp phù hợp với khả năng của mình..

HS thảo luận nhóm tìm các giải pháp, để tiết kiệm TNTN(điện, nước, chất đốt...).

Trình bày KQ và bổ sung ý kiến.

HS lấy ví dụ về sử dụng tài nguyên TN tiết kiệm và lãng phí.

c. Vận dụng: (1-2p)

- + *Vì sao phải sử dụng tiết kiệm tài* HS liên hệ.

nguyên?

+ Bản thân em đã tiết kiệm TN TN như thế nào?

- Về nhà tự lập kế hoạch cho việc bảo vệ môi trường xung quanh nơi mình sinh sống.

- Viết đoạn văn từ 5-7 câu về việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của bản thân và gia đình.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

KĨ THUẬT

LẮP RÁP MÔ HÌNH XE Ô TÔ TẢI CHẠY BẰNG PIN (T.1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:

- Kể tên, nhận biết được các chi tiết của bộ lắp ghép mô hình xe điện chạy bằng pin. Lắp ráp, vận hành được mô hình xe điện chạy bằng pin.
- Xác định được các bộ phận chính và cách thức lắp ráp từng chi tiết, bộ phận của mô hình ô tô tải với nhau để tạo ra sản phẩm theo hướng dẫn.
- Kể tên và nhận biết được các chi tiết lắp ghép mô hình xe điện chạy bằng pin đơn giản. Lắp ráp, vận hành được mô hình xe điện chạy bằng pin.
- Góp phần hình thành năng lực: Hình thành và phát triển năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.
- Góp phần hình thành phẩm chất: Có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn bộ đồ dùng lắp ghép. Thực hiện đúng kế hoạch lắp ráp từng chi tiết, bộ phận của mô hình, không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc hoàn thành sản phẩm của cả nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên:

+ Nghiên cứu mục tiêu bài học, lựa chọn nội dung dạy học (SGK bài Lắp ô tô tải – Kĩ thuật 4 và 1 số kiến thức về động cơ điện, nguồn pin)

+ Thiết kế mẫu mô hình xe ô tô tải chạy bằng pin.

+ Chuẩn bị phiếu học tập phù hợp (Phiếu học tập số 1) và TBDH phù hợp với các hoạt động của bài học...

2. Học sinh:

+ Đọc trước bài học, quy trình lắp ráp mô hình.

+ Chuẩn bị các dụng cụ, chi tiết bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật.

+ Chuẩn bị 1 số vật liệu thông dụng để lắp ráp xe ô tô điện đơn giản.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Mở đầu: (4-5p)

- Hát, vận động phụ họa bài: *Nào mình cùng lên xe buýt.*

- Kiểm tra sự chuẩn bị của HS.

? Chúng ta đã học lắp ghép những mô hình kỹ thuật nào?

? Trong các mô hình đó con thích nhất mô hình nào? Vì sao?

2. Luyện tập – Thực hành: (26-28p)

Hoạt động 1: Khởi động tạo hứng thú lắp ghép mô hình xe tải chạy bằng pin.

- Y/c HS quan sát hình ảnh các phương tiện giao thông đường bộ.

- Trình chiếu tình huống lên:

1. Kể tên và nêu các chức năng của các phương tiện giao thông.

2. Để chở được những hoa quả từ thành phố HCM ra thủ đô Hà Nội, người ta thường sử dụng phương tiện giao thông nào? Đặc điểm nào giúp xe có thể chở được nhiều hàng hóa?

3. Với bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật,

- HS quan sát, thảo luận và TLCH

- Kể tên và chức năng phương tiện giao thông.

+ Xe khách, xe buýt, xe taxi (vận chuyển hành khách công cộng)

+ Xe ô tô, mô tô, xe đạp (vận chuyển hành khách cá nhân)

+ Xe tải (vận chuyển hàng hóa)

+ Xe cứu hỏa (chữa cháy)

- Chở hàng hóa sử dụng xe tải, có thùng xe chứa nhiều hàng.

Chúng ta có thể lắp ráp được mô hình xe ô tô tải chạy bằng pin được không? Cần thêm những chi tiết nào?

- Dẫn dắt, gợi ý để HS có thể đưa ra câu trả lời ở các hoạt động tiếp theo.

2. Hình thành kiến thức mới: (30-32p)

Hoạt động 2: Khám phá mẫu mô hình xe tải chạy bằng pin.

- Trình diễn mô hình xe mẫu, phát phiếu học tập số 1 và y/c HS quan sát, thảo luận

+ ***Định hướng HS quan sát tổng thể mô hình mẫu- chi tiết từng bộ phận- trình tự lắp ráp.***

- Y/c 1 số nhóm báo cáo kết quả hoạt động, nhận xét, đánh giá câu hỏi

- Chốt nội dung kiến thức về bảng các chi tiết lắp ráp và trình tự lắp ráp.

3. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5p)

? Con cảm thấy thế nào khi học xong tiết học này?

? Qua tiết học hôm này con được biết thêm về điều gì?

- Con đã ý thức khi sử dụng các chi tiết để lắp ráp mô hình.... Chưa?

- Nhấn mạnh lại những lưu ý khi thực hành lắp ráp.

- Tổng kết lại những nội dung HS cần ghi nhớ giúp vận dụng vào cuộc sống.

- Về nhà cùng bố mẹ, ông bà thực hành các tình huống sử dụng điện thoại di động

- Có thể lắp ráp mô hình xe ô tô tải chạy bằng pin từ mô hình lắp ráp ô tô quen thuộc

- HS có thể không trả lời hết các câu hỏi.

- HS quan sát

- HS làm việc theo nhóm

- HS trao đổi, phân vai cụ thể các công việc của từng thành viên trong nhóm.

- Nhóm thảo luận thống nhất câu trả lời rồi ghi kết quả vào phiếu học tập.

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình.

- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

HS lắng nghe, nhận xét các nhóm khác.

- Điều chỉnh lại phiếu học tập.

- HS vận dụng, liên hệ thực tế trả lời các câu hỏi

- HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS hoàn thành phiếu học tập theo hiểu biết của mình

- HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi

- Từng HS nêu kết quả

- Nhận xét bạn

để báo cáo kết quả vào buổi học sau.

- Nhận xét ý thức học tập và tham gia các hoạt động của HS.

- Chuẩn bị bài tuần sau (**Tiết 2**)

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

.....

.....

ÂM NHẠC

ÔN TẬP TẬP ĐỌC NHẠC SỐ 7, SỐ 8

NGHE NHẠC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:

- HS đọc được bài tập đọc nhạc số 7, số 8; biết thể hiện tính chất sắc thái của bài.
- HS nghe bài hát *Em đi giữa biển vàng*, nhạc Bùi Đình Thảo, lời Nguyễn Khoa Đăng- Bùi Đình Thảo
- Góp phần hình thành phẩm chất: HS nêu cảm xúc về tác phẩm được nghe hoặc nêu sự tưởng tượng khi nghe nhạc, vận động, vỗ tay, giậm chân theo tác phẩm được nghe.
- Góp phần hình thành năng lực: Thể hiện âm nhạc, cảm thụ âm nhạc qua lời ca bài tập đọc nhạc và nghe nhạc , ứng dụng và sáng tạo âm nhạc qua gõ và vận động theo tác phẩm âm nhạc. Biết tự chủ và tự học, tinh thần học tập hợp tác. Bồi dưỡng đức tính chăm chỉ trong rèn luyện kỹ năng đọc nhạc. Biết yêu quê hương đất nước qua những điều bình dị.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Thanh phách, song loan.
- Bài giảng điện tử.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Mở đầu (3-5p)

* **Mục tiêu:** Giúp HS hứng khởi; huy động những kiến thức, vốn hiểu biết đã có của HS để kết nối với nội dung bài học mới

* **Cách thực hiện:**

* Trò chơi nhận biết giai điệu: *Ai tai thính?*

* Cách chơi: Chia lớp thành 2 đội (1 đội nam, 1

- HS nghe luật chơi

đội nữ)

Cả hai đội cùng nghe video clip lần lượt 2 bài TĐN số 7,8 đã học và phải nhận ra đó là giai điệu của bài TĐN nào. Đội nào bấm chuông nhanh giành quyền trả lời trước và viết câu trả lời lên bảng. Cuối cùng tổng hợp, đội nào nhiều câu trả lời đúng đội đó giành chiến thắng.

2. Thực hành- Luyện tập: (16-18p)

2.1: Ôn tập tập đọc nhạc số 7, số 8

*Mục tiêu:

- Học sinh thể hiện đúng tính chất bài TĐN số 7, số 8
- HS biết sử dụng nhạc cụ gõ thể hiện TT của bài.

* Cách thực hiện:

- + Từng tổ trình bày bài TĐN
- + Cá nhân trình bày bài TĐN
- HS trình bày bài TĐN bằng cách đọc nhạc kết hợp gõ đệm.
- HS đọc nhạc kết hợp vận động theo tiết tấu của bài.
- Trình bày bài TĐN theo nhóm, kết hợp gõ đệm và vận động theo nhạc.

3: Nghe nhạc (10-12p) *Em đi giữa biển vàng*

*Mục tiêu:

- Hs nghe 1 bài hát hay, cảm nhận được vẻ đẹp của quê hương,thông qua bài hát.

* Cách thực hiện:

- Giới thiệu bài hát:
- *Con thấy những hình ảnh nào gần gũi, đẹp đẽ của quê mình qua bài hát?*
- Nghe lần thứ nhất: Mở Video clip nhạc hoặc tự

- HS chơi trò chơi theo sự điều khiển của GV

- HS ghi bài

- HS thực hiện

- HS trình bày

- HS thực hiện

- HS thực hiện.

- 5, 6 HS trình bày

- HS theo dõi

- HS nghe bài hát

trình bày bài hát.

- Thảo luận về bài hát:

+ HS nêu cảm nhận về bài hát.

+ HS nói về những hình ảnh đẹp trong bài hát.

+ HS diễn tả lại một nét nhạc

- Nghe lần thứ hai: HS có thể nghe nhạc kết hợp với các hoạt động: hát hoà theo, vẽ tranh (đơn giản) diễn tả cảm nhận về bản nhạc, vận động theo nhạc đu đưa, lắc lư, nhún nhảy, múa, gõ nhịp...

- Thảo luận, tìm hình ảnh qua bài hát.

- HS nghe nhạc, Thảo luận nhóm .

- Chia sẻ về bài hát.

- HS thực hiện.

4. Vận dụng, sáng tạo: (2-3p)

- Cho cả lớp đứng lên vận động theo nhạc bài “ *Em đi giữa biển vàng*” sau đó nhận xét và khen những em có tinh thần học tập tốt và động viên các bạn khác cùng cố gắng.

- Dặn các em về học thuộc lời bài hát và nghe thêm tác phẩm của nhạc sĩ Bùi Đình Thảo.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....
.....
.....

HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
TRẢI NGHIỆM LÀM BÁNH TRÔI

THỰC HIỆN THEO KẾ HOẠCH CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

Học và tên học sinh:.....

Lớp:

PHIẾU THU HOẠCH

SAU HOẠT ĐỘNG CHÚNG EM LÀM BÁNH TRÔI

Em hãy hoàn thành các yêu cầu sau:

Câu 1: Theo quan niệm của người Việt, bánh trôi, bánh chay liên quan đến sự tích nào? Loại bánh này thường được làm vào dịp nào?

.....
.....
.....

2: Để làm được loại bánh này cần những nguyên liệu gì?

.....

Câu 3: Em hãy nêu cách nặn bánh? Làm thế nào để chiếc bánh tròn, đẹp.

.....

 .

Câu 4: Nồi nước nấu chè có những nguyên liệu gì?

.....

Câu 5: Khi nào thì bánh chín có thể vớt ra?

.....

Câu 6: Để bánh đỡ dính sau khi vớt ra em cần làm gì?

.....

 .

Câu 7: Em cảm thấy thế nào khi thưởng thức món bánh mà em tham gia làm?

.....

TIẾNG VIỆT+

LUYỆN VIẾT: ĐÊM TRĂNG QUÊ HƯƠNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:

- HS nắm được kỹ thuật viết kiểu chữ đứng nét thanh, nét đậm; hiểu được nội dung đoạn văn.

- Viết được đúng kỹ thuật, đẹp kiểu chữ đứng nét thanh, nét đậm đoạn văn.

Trình bày đúng đoạn văn .

- Góp phần hình thành năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực sáng tạo.Năng lực thẩm mỹ.

- Góp phần hình thành phẩm chất: Có ý thức tự giác luyện chữ cao.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.

1. HĐ Mở đầu (2-3p)

- Nhận xét bài viết trước của HS

- Nêu mục đích, yêu cầu tiết học.

2. Tìm hiểu nội dung: (20-22p)

- Yêu cầu HS đọc bài viết 1 lượt
 - Đọc bài 1 lượt.
 - Nêu nội dung của đoạn văn?
 - *KL:
 - Hướng dẫn HS kỹ thuật viết các nét khuyết, các nét móc hai đầu.
 - Đọc cho HS luyện viết các từ khó
 - Đọc cho HS luyện viết .
 - Nhận xét bài viết của học sinh.
 - 3. Chấm, chữa bài (4-5p)**
 - Chấm 5-7 bài ngay tại lớp.
 - Nhận xét kết quả chấm
 - 4. Vận dụng(1-2p)**
 - HS vận dụng viết đúng và đẹp trong các môn học khác.
 - Nhận xét về ý thức viết bài của HS.
 - Nhắc những HS viết chưa tốt và tuyên dương những HS viết tốt.
- ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG (NẾU CÓ)
-
-
-

SINH HOẠT

KIỂM ĐIỂM CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Học sinh nhận thấy những ưu khuyết điểm trong tuần học 31 để có hướng phát huy và khắc phục.
- Giáo dục ý thức tự giác trong các hoạt động.

II. NỘI DUNG:

1. Nhận xét các mặt hoạt động trong tuần 31:

- + Từng TT lên nhận xét ưu khuyết điểm của tổ mình trong tuần vừa qua
- + Các thành viên khác nêu ý kiến
- + Lớp trưởng tổng hợp và nhận xét chung.
- + Giáo viên nhận xét, tuyên dương HS về các mặt hoạt động tuần 31.

2. Phương hướng tuần 32:

- + Thi đua lập thành tích chào mừng ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước 30/4 và Quốc tế Lao động 01/5
- + Tiếp tục duy trì các nề nếp tốt: Đạo đức, học tập, thể dục vệ sinh, ý thức phòng tránh dịch bệnh.

+ Thực hiện tốt việc trang trí lớp học, giữ vệ sinh, quét mạng nhện, sắp xếp bàn ghế gọn gàng,

+ Thực hiện đúng nội quy lớp học đã đề ra.

+ Giữ gìn đồ dùng học tập, sách vở của cả lớp.

3.Văn nghệ: Lớp tổ chức văn nghệ.
